

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 120 Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 76/TTr-SXD ngày
15 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành Quyết định quy định việc phối hợp cung
cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp
Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm trong việc
phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm
thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) và cơ quan quản
lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận: Sở
Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng
đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.

2. Cơ quan quản lý nhà ở: Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng
Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phối hợp
cung cấp thông tin về nhà ở.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự phối hợp thống nhất, kịp thời, hiệu quả, thường xuyên và
đúng quy định pháp luật.

2. Thông tin, hồ sơ cung cấp, phối hợp phải đảm bảo tính chính xác, trung thực.

3. Thực hiện phối hợp đúng và đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định của từng cơ quan.

4. Không được lợi dụng việc phối hợp để thu thập thông tin, những nhiễu, trục lợi, phát tán thông tin trái với quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung, thông tin, hình thức và thời gian phối hợp

1. Nội dung phối hợp:

a) Phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

b) Phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Thông tin phối hợp:

Cung cấp thông tin về nhà ở riêng lẻ và nhà ở chung cư để thiết lập hồ sơ nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật Nhà ở, như sau:

a) Đối với nhà ở tại đô thị và nông thôn được tạo lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì cung cấp giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở hoặc có bản kê khai thông tin về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Đối với nhà ở tại đô thị được tạo lập kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì cung cấp giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở; giấy tờ xác định đơn vị tư vấn, đơn vị thi công, bản vẽ thiết kế, bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở, hồ sơ hoàn công theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có).

c) Đối với nhà ở tại nông thôn được tạo lập kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì cung cấp giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở và bản vẽ thiết kế, bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở (nếu có).

d) Đối với trường hợp xây dựng nhà ở theo dự án thì cung cấp hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà ở và hồ sơ hoàn công theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Hình thức phối hợp

a) Cung cấp thông tin theo Biểu mẫu và hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Gửi thông tin bằng tệp tin định dạng PDF (qua hệ thống IDesk) đối với thông tin, hồ sơ đã được số hóa.

c) Gửi thông tin bằng văn bản (tài liệu giấy) đối với thông tin, hồ sơ chưa được số hóa theo đường bưu điện.

4. Thời gian phối hợp:

a) Phối hợp theo định kỳ hàng tháng: Thông tin cung cấp trước ngày 05 của tháng sau tháng cần cung cấp thông tin.

b) Phối hợp theo yêu cầu đột xuất: Thực hiện theo văn bản của cơ quan đề nghị phối hợp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận

Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhà ở theo quy định tại Điều 4 Quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở cùng cấp để thiết lập hồ sơ nhà ở; chịu hoàn toàn trách nhiệm với nội dung, số liệu do mình cung cấp.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

b) Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTHT Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường, thị trấn
(do UBND cấp huyện sao gửi);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VPUBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CN (HVC70).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục
BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở
(Kèm theo Quyết định số 52 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

DANH SÁCH TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

Kỳ cung cấp: Thángnăm.....

1. Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu:

2. Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu:

3. Nội dung thông tin, dữ liệu cung cấp:

STT	Tên chủ sở hữu	Đối tượng sở hữu					Địa chỉ nhà ở	Loại nhà ở		Diện tích (m ²)			Thông tin nguồn gốc sở hữu	Ghi chú
		Tổ chức trong nước, dự án đầu tư xây dựng nhà ở	Hộ gia đình, cá nhân trong nước	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Cá nhân nước ngoài	Tổ chức nước ngoài		Nhà ở riêng lẻ	Nhà chung cư	Diện tích lô đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn xây dựng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
3														

..., ngày tháng năm...
ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN
(Ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN NHẬP THÔNG TIN

1	Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu:
-	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố.</i>
2	Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu:
-	<i>Sở Xây dựng: Tiếp nhận thông tin nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh.</i>
-	<i>Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố và thị xã); Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện): Tiếp nhận thông tin nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.</i>
3	Đối với cột “Thông tin Tên chủ sở hữu”: Tên chủ sở hữu nhà ở
4	Đối với cột “Đối tượng sở hữu”: Đánh dấu "x" vào ô thông tin phù hợp
-	<i>Tổ chức trong nước, dự án đầu tư xây dựng nhà ở</i>
-	<i>Hộ gia đình, cá nhân trong nước</i>
-	<i>Người Việt Nam định cư ở nước ngoài</i>
-	<i>Cá nhân nước ngoài</i>
-	<i>Tổ chức nước ngoài</i>
5	Đối với cột “Địa chỉ nhà ở”: Thông tin địa chỉ nhà ở đề nghị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận
6	Đối với cột “Loại nhà ở”: Đánh dấu "x" vào ô thông tin phù hợp
-	<i>Nhà ở riêng lẻ (là nhà ở được xây dựng trên thửa đất ở riêng biệt thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân hoặc trên đất thuê, đất mượn của tổ chức, cá nhân, bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề và nhà ở độc lập, được xây dựng với mục đích để ở hoặc mục đích sử dụng hỗn hợp)</i>
-	<i>Nhà chung cư (là nhà ở có từ 02 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho gia đình, cá nhân, tổ chức, bao gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp)</i>
7	Đối với cột “Diện tích”: Thông tin diện tích nhà ở đề nghị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận
-	<i>Diện tích lô đất: Diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận.</i>
-	<i>Diện tích xây dựng: Diện tích xây dựng nhà ở được cấp Giấy chứng nhận.</i>
-	<i>Diện tích sàn xây dựng: Tổng diện tích sàn của tất cả các tầng, bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng tum.</i>
8	Đối với cột “Thông tin nguồn gốc sở hữu”: Điền thông tin các loại giấy tờ:
-	<i>Giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở (theo quy định tại Điều 148 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024)</i>
-	<i>Bản kê khai thông tin về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở</i>
-	<i>Các giấy tờ xác định đơn vị tư vấn, đơn vị thi công, bản vẽ thiết kế, bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở, hồ sơ hoàn công</i>
-	<i>Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng nhà ở và hồ sơ hoàn công</i>